

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Số: 20/0/2026/CEN/CVGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức

: Công ty cổ phần Cencon Việt Nam

Mã chứng khoán

: CEN

Trụ sở chính

: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Điện thoại

: 0246 285 0292

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CENCON
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ

PHẦN CENCON VIỆT NAM

DN: C=VN, S=Lào Cai, O=CÔNG TY

CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM, CN=

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT

NAM,

OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=

MST:0107268056

Reason: I am the author of this

document

Location:

Date: 2026.10.20 16:38:52+07'00'

Foxit PDF Reader Version: 2024.2.2

Căn cứ vào mục 4 điều 11 chương III của thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính quý 3 năm 2025 của Công ty cổ phần Cencon Việt Nam.

Công ty cổ phần Cencon Việt Nam xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2025 do các nguyên nhân sau:

STT	Chi tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		Q3/2026	Q3/2025	Chênh lệch	% Chênh lệch	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.681.467.095	22.241.405.830	-12.559.938.735	44%	Giảm do sức tiêu thụ hàng thực phẩm chậm
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	17.772.000	19.283.355	-1.511.355	92%	Giảm cho hàng bán bị trả lại
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.663.695.095	22.222.122.475	-12.558.427.380	43%	Giảm do sức tiêu thụ hàng thực phẩm chậm
4	Giá vốn hàng bán	8.865.670.275	20.944.448.208	-12.078.777.933	42%	Giảm do giảm lượng hàng hóa bán ra
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	798.024.820	1.277.674.267	-479.649.447	62%	Giảm do giảm lượng hàng hóa bán ra

STT	Chi tiêu	Năm		So sánh		Nguyên nhân
		Q3/2026	Q3/2025	Chênh lệch	% Chênh lệch	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	51.238.152	447.136	50.791.016	11459%	Tăng do phát sinh lãi từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn
7	Chi phí bán hàng	158.484.190	470.695.727	-312.211.537	34%	Giảm do giảm chi phí nhân công và dịch vụ mua ngoài
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	438.069.861	600.320.072	-162.250.211	73%	Giảm do giảm chi phí nhân công
9	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	252.708.921	207.105.604	45.603.317	122%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên
10	Thu nhập khác	42.945	0	42.945	100%	Tăng do xử lý công nợ phải thu, phải trả
11	Chi phí khác	39.731	68.848	-29.117	58%	Giảm do không phát sinh tiền chậm nộp thuế
12	Lợi nhuận khác	3.214	-68.848	72.062	105%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	252.712.135	207.036.756	45.675.379	122%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50.542.427	41.407.351	9.135.076	122%	Tăng do lợi nhuận kế toán trước thuế tăng
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	202.169.708	165.629.405	36.540.303	122%	Tăng do các nguyên nhân nêu trên

Trên đây là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc biến động về Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025. Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu KT - TH



Trần Mạnh Sơn